

PHIẾU ÔN TẬP: SO SÁNH HAI SỐ THẬP PHẦN

I. Bài tập trắc nghiệm

Khoanh vào chữ cái trước đáp số đúng

Bài 1. So sánh hai số: 123,897 và 231,04:

- A. $123,897 < 231,04$ B. $123,897 > 231,04$

Bài 2. So sánh hai số: 321,687 và 324,15:

- A. $321,687 < 324,15$ B. $321,687 > 324,15$

Bài 3. So sánh hai số: 56,98 và 56,971:

- A. $56,98 > 56,971$ B. $56,98 < 56,971$

Bài 4. So sánh hai số: 0,9876 và 0,9882:

- A. $0,9876 > 0,9882$ B. $0,9876 < 0,9882$

Bài 5. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 12,56; 9,875; 100,3

- A. $100,3 < 12,56 < 9,875$ B. $9,875 < 12,56 < 100,3$ C. $12,56 < 100,3 < 9,875$

Bài 6. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 0,1234; 0,0987; 0,205

- A. $0,1234 < 0,0987 < 0,205$ B. $0,0987 < 0,1234 < 0,205$ C. $0,0987 < 0,205 < 0,1234$

Bài 7. Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 8,975; 10,26; 102,4

- A. $8,975 > 10,26 > 102,4$ B. $102,4 > 10,26 > 8,975$ C. $10,26 > 102,4 > 8,975$

Bài 8. Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 0,73; 0,685; 0,5997

- A. $0,5997 > 0,685 > 0,73$ B. $0,73 > 0,685 > 0,5997$ C. $0,73 > 0,5997 > 0,685$

Bài 9. Dãy số nào được sắp xếp theo đúng một thứ tự?

- A. $19873 < 19872 < 198715 < 1987096$
B. $19,872 < 19,873 < 19,8715 < 19,87096$
C. $19,873 > 19,872 > 19,8715 > 19,87096$

II. Bài tập tự luận

Bài 1. Điền dấu thích hợp vào chỗ trống:

- a) $6,9875 \dots\dots 6,9882$ b) $0,00123 \dots\dots 0,000999$

Bài 2. Cho bốn chữ số 4; 5; 6; 7. Hãy viết tất cả các số thập phân gồm bốn chữ số khác nhau đó và phần thập phân có 3 chữ số. Số lớn nhất là số nào?

.....
.....